TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HS-ST
Ngày 16 - 8- 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mầu Văn Mùi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thỏa và ông Trần Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La, Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 đối với:

1. *Bị cáo*: **Lưu Văn T1**, sinh ngày 21/3/1991; nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: 10/12; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Lưu Đức T2 và bà Vũ Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: 03: 1. Tại Bản án số: 202/2014/HSST ngày 22/9/2014, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 01 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (trị giá tài sản trộm cắp là 2.636.000đ - ngày 24/4/2015, chấp hành xong); 2. Tại Bản án số: 15/2016/HSST ngày 02/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (trị giá tài sản trộm cắp là 5.000.000đ - ngày 23/7/2017, chấp hành xong); 3. Tại Bản án số: 58/2018/HSST ngày 25/9/2018, Tòa án nhân dân huyện T3, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (ngày 16/5/2021, chấp hành xong); nhân thân: Tại Bản án số: 46/2008/HSST ngày 07/10/2008, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; tại Bản án số: 02/2009/HSPT ngày 24/02/2009 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 09 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số: 46/2008/HSST ngày 07/10/2008 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc T1 phải chấp hành hình phạt chung cho 02 bản án là 01 năm 03 tháng tù (chấp hành xong ngày 09/02/2010); ngày 09/7/2010, Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính 200.000đ về hành vi "*Trộm cắp tài sản*" (chấp hành xong ngày 09/7/2010); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2022 cho đến nay (có mặt).

2. *Bị hại*: Cháu Trương Minh H, sinh ngày 02/10/2005; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của cháu H: Anh Trương Đức N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (bố cháu H - vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Anh Đào Xuân M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ngõ 8, đường N, phường K, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

3.2. Anh Trương Đức N, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

4. *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc *(*vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 04/4/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Lưu Văn T1 một mình đi xe buýt từ thành phố V lên xã Đ, huyện T mục đích xem có ai sơ hở để trộm cắp tài sản, bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Khi đi đến khu vực bến xe buýt, T1 phát hiện nhà anh Trương Đức S đóng cổng, có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 88E1- 174.78 do cháu Trương Minh H (cháu anh S) sử dụng dựng trước cổng, không khóa cổ, không khóa càng. Quan sát xung quanh không thấy có ai trông giữ nên T1 đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. T1 đi đến vị trí chiếc xe, dắt xe ra ngoài đường rồi dắt bộ theo đường tỉnh lộ 302 hướng xã Đ đi thị trấn Đ, huyện T. Đi được một đoạn, T1 thấy quán sửa xe của anh Nguyễn Văn L ở ven đường đang mở cửa, T1 dắt xe vào quán nói với anh L là bị rơi mất chìa khóa và nhờ anh L đấu điện hộ để nổ xe. Sau khi nổ được xe, T1 điều khiển đi theo đường tỉnh lộ 302 đi thị trấn H, huyện T ra thành phố V. Trên đường đi, T1 gặp người thợ sửa, cắt khóa (T1 không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này) T1 nhờ cắt chìa khóa xe hết 50.000đ. Sau khi cắt được chìa khóa xe, T1 điều khiển xe đi đến quán Game 88 ở ngõ 8 N, phường K, thành phố V gặp anh Đào Xuân M, T1 đặt vấn đề vay anh M 3.500.000đ và gửi chiếc xe mô tô BKS 88E1- 174,78 làm tin. T1 nói với anh M đây là xe của mình nhưng quên không đem theo giấy tờ, mấy hôm sau T1 sẽ quay lại lấy xe và trả tiền cho anh M. Anh M đồng ý cho T1 để lại xe và đưa T1 số tiền 3.500.000đ. T1 cầm tiền và đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 07/4/2022, T1 tiếp tục đi xe buýt từ V lên huyện T mục đích xem nhà ai có tài sản sơ hở để trộm cắp, khi T1 vừa xuống xe buýt thì bị Công an xã Đ mời về trụ sở làm việc, T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình ngày 04/4/2022.

Ngày 07/4/2022, anh Đào Xuân M tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô BKS 88E1- 174,78; ngày 08/4/2022, anh Trương Đức N (bố cháu H) đã giao nộp 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS 88E1- 174.78 mang tên Trương Đức N để phục vụ điều tra.

Tại kết luận định giá tài sản số: 162/ KL-HĐĐG ngày 12/4/2022 của Hội

đồng định giá tài sản tố tụng hình sự kết luận: *Giá trị của xe mô tô BKS 88E1-174,78 là 11.000.000đ.*

Tại Cáo trạng số: 43/CT-VKSTĐ ngày 21/7/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Lưu Văn T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T1 từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xác nhận dân sự và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo không bào chữa, tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo Lưu Văn T1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận định giá, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ ngày 04/4/2022, tại khu vực trước cửa nhà anh Trương Đức S ở thôn T, xã Đ, huyện T, lợi dụng sơ hở bị cáo Lưu Văn T1 đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô Wave, BKS 88E1 - 174.78 (trị giá 11.000.000đ) của cháu Trương Minh H.

Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Nội dung điều luật quy định:

"2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm".

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Bị cáo là người có

sức khỏe nhưng không chịu khó lao động, rèn luyện tu dưỡng bản thân mà lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân đã lao vào con đường phạm tội.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo nhiều lần trộm cắp tài sản, nhiều lần bị đưa ra xét xử và bị xử phạt hành chính với những phạt hình phạt nghiêm khắc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn, hối cải để hoàn lương. Do bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tuy nhiên, đây là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Do vậy, cần phải xử lý bị cáo nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với người liên quan: Đối với anh Nguyễn Văn L là người đấu điện xe cho bị cáo; anh Đào Xuân M là người cho bị cáo vay tiền và cho bị cáo gửi lại xe để làm tin nhưng đều không biết đây là tài sản do bị cáo T1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh L, anh M là phù hợp.

Đối với người thợ sửa khóa đã cắt chìa khóa xe cho bị cáo, bị cáo không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể và bị cáo trình bày không nói cho người này biết chiếc xe là tài sản trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[6] Về dân sự và xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS 88E1- 174.78; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe đứng tên anh Trương Đức N. Ngày 30/4/2022, Công an huyện T đã trả lại xe cùng Giấy đăng ký xe cho anh N. Sau khi nhận lại tài sản, anh N không có yêu cầu, đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 3.500.000đ, anh Đào Xuân M cho bị cáo Lưu Văn T1 vay. Quá trình điều tra, anh M không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lưu Văn T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Văn T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 07/4/2022).

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Bị cáo Lưu Văn T1 phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an huyện T;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Mầu Văn Mùi